

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 222/2024/HC-ST  
Ngày 13-9-2024  
V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất  
đai.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Quang Diệu
- Ông Võ Minh Quốc

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An họp phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2024/TLST-HC ngày 20 tháng 6 năm 2024 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Người khởi kiện: bà Trần Thị Q, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ liên hệ: số F Quốc lộ E, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Hữu T1 – Quyền Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh V - Phó Chủ tịch.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lại Quốc T2, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Đỗ Thị Yên N**, sinh năm 2000; Địa chỉ: **F D khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà **Trần Thị Q** trình bày tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2023 nội dung như sau:

Bà **Trần Thị Q** được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 ngày 04/6/2009 thửa đất số 2408 (số thửa mới 377), tờ bản đồ số 2, diện tích 1.369m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.**

Nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà **Đặng Thị P** năm 2009.

Ông **Lại Quốc T2** sử dụng thửa đất số 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup>, Giáp ranh với thửa đất số 2408, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 ngày 05/9/2023.

Bà **Trần Thị Q** và ông **Lại Quốc T2** trực tiếp quản lý, đất có ranh giới, tường rào rõ ràng, sử dụng ổn định, lâu dài, không ai tranh chấp.

Tháng 11/2023, khi kiểm tra bà **Trần Thị Q** phát hiện Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Q**, ông **Lại Quốc T2** có sai sót, nhầm lẫn như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà **Trần Thị Q** thửa đất số 2408 (số thửa mới 377), tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup> nhưng thực tế bà **Q** đang trực tiếp quản lý sử dụng một phần thửa đất số 2408 (khu A), diện tích 1102,4 m<sup>2</sup>. Ông **Lại Quốc T2** đang trực tiếp quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 2408 (khu B), diện tích 207,1 m<sup>2</sup>.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông **Lại Quốc T2** thửa đất số 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup>. Thực tế ông **Lại Quốc T2** trực tiếp quản lý sử dụng trọn thửa đất số 380, diện tích 448m<sup>2</sup> và một phần thửa đất số 377, diện tích 207,1 m<sup>2</sup>.

Nhận thấy: Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Q**, ông **Lại Quốc T2** sai về đối tượng, vị trí, diện tích và hiện trạng sử dụng. Bà **Trần Thị Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 ngày 04/6/2009 thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà **Trần Thị Q**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 ngày 05/9/2023 thửa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông **Lại Quốc T2**.

- Bà **Trần Thị Q**, ông **Lại Quốc T2** được quyền đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo hiện trạng sử dụng.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 9468/UBND-TD ngày 17/7/2024 trình bày:

Qua xem xét nội dung báo cáo của Phòng T3 tại Văn bản số 6190/TNMT-PC ngày 11/7/2024. Ủy ban nhân dân huyện C nêu ý kiến đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An như sau:

Ngày 04/6/2009, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 cho bà Trần Thị Q, đối với thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 02, vị trí đất tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An là trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị P với bà Trần Thị Q, được UBND xã L chứng thực ngày 14/5/2009, chứng thực số 154, quyền số 01/2009 TP/CC-SCT/HĐGD (đính kèm hồ sơ).

Ngày 05/9/2023, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 cho ông Lại Quốc T2, đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 02, vị trí đất tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An là trên cơ sở hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu theo Luật đất đai 2013 (đính kèm hồ sơ).

Việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783, do UBND huyện C cấp ngày 04/6/2009 cho bà Trần Thị Q, đối với thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 02, vị trí đất tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920, do UBND huyện C cấp ngày 05/9/2023 cho ông Lại Quốc T2, đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 02, vị trí đất tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An. Về việc này, UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lại Quốc T2 thông qua người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị Yến N có bản tự khai:

Thửa đất số 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 ngày 05/9/2023 cho ông Lại Quốc T2. Giáp ranh với thửa đất số 380 là thửa đất số 377, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Q. Đất có cột mốc ranh giới tường rào rõ ràng, sử dụng ổn định lâu dài, không ai tranh chấp.

Qua đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng sử dụng nhận thấy Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2, bà Q có sai sót như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lại Quốc T2: Thửa đất số 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448m<sup>2</sup>. Thực tế sử dụng: ông Lại Quốc T2 trực tiếp quản lý sử dụng trọn thửa đất số 380, diện tích 448m<sup>2</sup> và một phần thửa đất số 377, diện tích 207,1 m<sup>2</sup>. Bà Trần Thị Q trực tiếp quản lý sử dụng phần còn lại thửa

đất số 377, diện tích 1102,4m<sup>2</sup>. Đất có ranh giới tường rào rõ ràng, sử dụng ổn định lâu dài cho đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Q** nay ông **Lại Quốc T2** đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 ngày 04/6/2009 thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà **Trần Thị Q**. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 ngày 05/9/2023 thửa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông **Lại Quốc T2**. Để ông **Lại Quốc T2**, bà **Trần Thị Q** được quyền đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo hiện trạng sử dụng.

Ngày 20/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và lập biên bản không đối thoại được.

Tại phiên toà,

*Người khởi kiện do ông **Huỳnh Văn T** đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và căn cứ khởi kiện đã trình bày trong đơn khởi kiện. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện C số AP 029783 cấp ngày 04/6/2009 cho bà **Trần Thị Q** thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup>; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện C số DI 634920 cấp ngày 05/9/2023 cho ông **Lại Quốc T2** thửa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> để cấp lại cho đúng thực tế sử dụng. Yêu cầu của bà **Q**, ông **T2** cũng đồng ý.*

Căn cứ để đưa ra yêu cầu là: Giấy cấp cho bà **Trần Thị Q** thửa đất số 2408 (số thửa mới 377), tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup> nhưng thực tế bà **Q** sử dụng một phần ở (khu A) theo Mảnh trích đo, diện tích 1102,4 m<sup>2</sup>. Còn lại ông **T2** quản lý, sử dụng (khu B), diện tích 207,1 m<sup>2</sup>. Giấy cấp cho ông **T2** thửa đất số 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> nhưng thực tế ông **T2** trực tiếp quản lý sử dụng trọn thửa đất số 380, diện tích 448m<sup>2</sup> và diện tích 207,1 m<sup>2</sup> của thửa đất số 377, tờ bản đồ số 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thụ lý, quan hệ khiếu kiện, thẩm quyền đúng theo Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thời gian giải quyết vụ án đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Về thời hiệu,

Tháng 11/2023, bà **Trần Thị Q** phát hiện Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Q**, ông **Lại Quốc T2** có sai sót.

Ngày 13/12/2023 bà **Q** khởi kiện. Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, trong thời hiệu.

Về nguồn gốc đất,

Bà **Trần Thị Q** được UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.369m<sup>2</sup> nhưng thực tế chỉ sử dụng một phần thửa đất số 2408 (thửa số 377 mới), diện tích 1102,4 m<sup>2</sup>. Ông **Lại Quốc T2** được cấp thửa số 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> nhưng thực tế quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 2408 (khu B), thửa đất số 377 mới, diện tích 207,1 m<sup>2</sup> và trọn thửa đất số 380, diện tích 448m<sup>2</sup>. Theo Mảnh trích đo địa chính năm 2023 của Công ty cổ phần Đ.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An: phần đất tại khu B, diện tích 207,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 377 do bà **Q** đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông **T2** quản lý sử dụng trồng cây ăn trái như ổi, dứa, xoài chuối. Một bụi tre và hai ngôi mộ đá của người thân ông **T2**. Xung quanh được xác định bởi tường rào bằng gạch. Ranh giới ổn định, không tranh chấp. Ông **Lại Quốc T2** cũng thống nhất với việc nhậm thửa và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Q**.

Việc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Q** thửa đất 377 trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng nhưng thực tế ông **Lại Quốc T2** đang quản lý sử dụng một phần diện tích là không đúng đối tượng và diện tích theo quy định của Luật Đất đai năm 2003. Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Q** thông qua giao dịch dân sự nên thẩm quyền thuộc Tòa án, quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Từ đó đề nghị áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Q**. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà **Trần Thị Q** và ông **Lại Quốc T2**.

Buộc UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Bà **Trần Thị Q** không phải chịu tiền án phí. Buộc UBND huyện C chịu.  
(Có văn bản phát biểu kèm theo).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi xét xử

Bà **Trần Thị Q** khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 ngày 04/6/2009 thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà **Trần Thị Q**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 ngày 05/9/2023 thửa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông **Lại Quốc T2**.

- Bà **Trần Thị Q**, ông **Lại Quốc T2** được quyền đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo hiện trạng sử dụng.

Đây là yêu cầu hủy quyết định hành chính và buộc thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Thời hiệu

Tháng 11/2023, bà **Trần Thị Q** phát hiện Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Q**, ông **Lại Quốc T2** có sai sót.

Ngày 13/12/2023 bà **Trần Thị Q** khởi kiện.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, Tòa án xác định trong thời hiệu.

[3] Về tư cách tố tụng

Bà **Trần Thị Q** khởi kiện hủy quyết định hành chính của UBND huyện C nên xác định bà **Trần Thị Q** là người khởi kiện; Ủy ban nhân dân huyện C là người bị kiện.

Yêu cầu hủy quyết định hành chính của bà **Trần Thị Q** có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Lại Quốc T2** nên đưa ông **Lại Quốc T2** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Đối thoại và công khai chứng cứ

Tòa án tiến hành đối thoại theo tố tụng hành chính nhưng người bị kiện không có mặt nên căn cứ Điều 135 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 Tòa án lập biên bản không đối thoại được; Tòa án công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 137, Điều 138 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[5] Xét xử vắng mặt đương sự

Người bị kiện UBND huyện C có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng Hành chính 2015 Tòa án vẫn xét xử.

[6] Về yêu cầu khởi kiện: Bà **Trần Thị Q** khởi kiện yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện C số AP 029783 cấp ngày 04/6/2009 cho bà **Trần Thị Q** thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369

m<sup>2</sup>; số DI 634920 cấp ngày 05/9/2023 cho ông **Lại Quốc T2** thừa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> tại **xã L, huyện C, tỉnh Long An**.

[7] Xét thấy:

[7.1] Ngày 04/6/2009, **UBND huyện C** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 cho bà **Trần Thị Q**, đối với thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.369m<sup>2</sup> vị trí đất tọa lạc tại **xã L, huyện C, tỉnh Long An**. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà **Đặng Thị P** với bà **Trần Thị Q**, được **UBND xã L** chứng thực ngày 14/5/2009.

[7.2] Ngày 05/9/2023, **UBND huyện C** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 cho ông **Lại Quốc T2**, đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 02, diện tích 448m<sup>2</sup> vị trí đất tọa lạc tại **xã L, huyện C, tỉnh Long An** là trên cơ sở hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu theo Luật đất đai 2013.

[8] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An kết hợp Mảnh trích đo địa chính năm 2023 của **Công ty cổ phần Đ** thể hiện: phần đất tại khu B, diện tích 207,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 377 do bà **Q** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có các cây ăn trái gồm: ổi, dứa, xoài chuối. Một bụi tre và hai ngôi mộ đá của người thân ông **T2**, đất ông **T2** quản lý sử dụng. Xung quanh được xác định bởi tường rào bằng gạch cao khoảng 3,8m. Ranh giới giữa diện tích đất ông **T2** và bà **Q** ổn định. Các bên sử dụng không tranh chấp.

[9] Ông **Lại Quốc T2** cũng thống nhất với việc nhằm thừa và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Q**.

[10] Như vậy, việc **UBND huyện C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Q** thừa đất 377 trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng nhưng thực tế ông **Lại Quốc T2** đang quản lý sử dụng một phần diện tích là không đúng đối tượng và diện tích theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

[11] Xét việc **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Q** thông qua giao dịch dân sự nên UBND huyện không thu hồi là đúng quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Q**. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 của **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp ngày 04/6/2009 cho bà **Trần Thị Q** thừa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup>; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng của **Ủy ban nhân dân huyện C** đất số DI 634920 cấp ngày 05/9/2023 cho ông **Lại Quốc T2** thừa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup>. Đất tọa lạc tại **xã L, huyện C**.

Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

[12] Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[13] Về chi phí thẩm định: người khởi kiện chịu đã nộp xong.

[14] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà **Trần Thị Q** không phải chịu tiền án phí, hoàn trả tiền tạm ứng đã nộp. Buộc **UBND huyện C** phải chịu và nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 3, Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính 2015; Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 348 và Điều 358 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người **Trần Thị Q** đối với **UBND huyện C**, tỉnh Long An về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

1.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 029783 ngày 04/6/2009 thửa đất số 2408, tờ bản đồ số 2, diện tích 1369 m<sup>2</sup> do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp cho bà **Trần Thị Q**.

1.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 634920 ngày 05/9/2023 thửa đất 380, tờ bản đồ số 2, diện tích 448 m<sup>2</sup> do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp cho ông **Lại Quốc T2**.

1.3. Người sử dụng đất được quyền kê khai, đăng ký, chỉnh lý quyền sử dụng đất.

1.4. Buộc cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí thẩm định: 3.000.000 đồng, bà **Trần Thị Q** chịu (đã nộp xong).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà **Trần Thị Q** không phải chịu. Hoàn trả cho bà **Q** tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo Biên lai thu số 0000560 ngày 20/6/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.



Buộc **UBND huyện C** chịu và nộp 300.000đ.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt hợp lệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản án được niêm yết./.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Quang Diệu – Võ Minh Quốc**

**Trần Văn Quán**